| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 965 /QĐ-UBND | *Trà Vinh, ngày 24 tháng 5 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố mới và bãi bỏ danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 526/QĐ-LĐTBXH ngày 06/5/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Theo Tờ trình của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Công bố mới kèm theo Quyết định này **06** *(sáu)* và bãi bỏ **05** *(năm)* thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam được công bố tại Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố mới và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố mới và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Cơ quan Bảo hiểm xã hội.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh căn cứ Quyết định này thông báo và đăng tải công khai danh mục TTHC thực hiện tại Bộ phận

một cửa, danh mục TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích, danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Truy cập địa chỉ http://csdl.dichvucong.vn để khai thác, sử dụng dữ liệu TTHC được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, cung cấp nội dung TTHC cho Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và niêm yết, công khai theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các Sở, ngành thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng CP (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BLĐVP UBND tỉnh;
- TT THCB;
- TT PVHCC tỉnh;
- Cổng TTĐT (đăng tải);
- Lưu: VT, THNV$_5$

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Bình**

**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI VÀ BÃI BỎ LĨNH VỰC LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI LÀM VIỆC TẠI VIỆT NAM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*(Kèm theo Quyết định số 965 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

## I. DANH MỤC TTHC CÔNG BỐ MỚI

| STT | Tên TTHC | Mức độ DVC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả | Cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Mức 4 | | | | | | |
| **I.** | **Lĩnh vực: Lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam** | | | | | | | |
| 1 | Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | X | 03 ngày (ngày làm việc)<br>Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép lao động, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội gia hạn Giấy phép lao động. Trường hợp không gia hạn giấy phép lao động thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do | Trung tâm Phục vụ Hành chính công | Không | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến | - Bộ luật Lao động 2019.<br>- Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. |
| | | | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài | X | 07 ngày (ngày làm việc)<br>Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc. | Trung tâm Phục vụ Hành chính công | Không | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến | Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương<br>- Quyết định số 526/QĐ-LĐTBXH ngày 06/5/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội |
| 3 | Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | X | 03 ngày (ngày làm việc)<br>Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài. Trường hợp không cấp giấy phép lao động thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do | Trung tâm Phục vụ Hành chính công | 600.000 đồng | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | X | 02 ngày (ngày làm việc)<br>Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp lại giấy phép lao động. Trường hợp không cấp lại giấy phép lao động thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do | Trung tâm Phục vụ Hành chính công | 450.000 đồng | Sở, Lao động – Thương binh và Xã hội | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến | |
| 5 | Xác nhận người lao động không thuộc diện cấp giấy phép lao động | X | 03 ngày (ngày làm việc)<br>Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động Trường hợp không xác nhận thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. | Trung tâm Phục vụ Hành chính công | Không | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài | X | - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 người lao động Việt Nam;<br>- Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người lao động Việt Nam.<br>- Trong thời hạn tối đa 02 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên. | Trung tâm Phục vụ Hành chính công | Không | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến | |

**2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ**

| Số TT | Tên thủ tục hành chính |
|---|---|
| 1 | Thủ tục Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài |
| 2 | Thủ tục Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam |
| 3 | Thủ tục Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam |
| 4 | Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động |
| 5 | Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài |